

Số: **133** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **25** tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng kết các Nghị quyết: số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Công văn số 2386/LĐTBXH-QHLĐTL ngày 07/7/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tổng kết Nghị quyết số 68/NQ-CP, số 126/NQ-CP của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG VIỆC LÀM, AN SINH XÃ HỘI

- Đại dịch Covid-19 đã tác động toàn diện đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi thời gian qua. Các đợt dịch Covid-19 liên tục bùng phát trong cộng đồng; nhiều biện pháp chống dịch đặc thù của tỉnh được áp dụng và liên tục thay đổi để ứng phó với tình hình diễn biến của dịch bệnh trên địa bàn. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cũng gặp không ít khó khăn, thách thức: Kinh tế tuy có tăng trưởng nhưng tốc độ tăng trưởng thấp do tác động rất lớn từ dịch bệnh Covid-19, nhất là hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ vui chơi, giải trí giảm rõ rệt; thu hút các dự án FDI, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm so với cùng kỳ năm trước. Dưới tác động của dịch bệnh Covid-19, người lao động tạm ngừng việc, mất việc làm tăng cao; công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp theo cam kết với doanh nghiệp cũng chậm tiến độ do doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động hoặc giảm số lượng người lao động,... Các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp nhiều khó khăn hơn, có nguy cơ tái nghèo cao và tăng tỷ lệ hộ nghèo trong thời gian tới.

- Một số doanh nghiệp nhất là ở các doanh nghiệp ngành may mặc, điện tử, giày da, du lịch, kinh doanh vận tải có số lao động tham gia lớn bị ảnh hưởng như giảm đơn hàng, giảm sản lượng, phải trì hoãn, giãn tiến độ đầu tư thậm chí hủy các dự án đang hoặc sẽ thực hiện; một số đơn vị phải tạm ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng trong năm, người lao động tại các doanh nghiệp này đang trong tình trạng nghỉ chờ việc hoặc mất việc nên số lao động giảm. Thêm vào đó, chuỗi cung ứng đơn hàng của các doanh nghiệp bị gián đoạn, tạm dừng, các doanh nghiệp phát sinh

thêm chi phí phòng ngừa dịch Covid-19 nên chậm trễ trong việc chuyển đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động; một số doanh nghiệp do bị ảnh hưởng lớn phải tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh nên tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất làm tăng số nợ BHXH, BHYT, BHTN. Năm 2020, tổng số tiền nợ bảo hiểm là 136.938 triệu đồng, năm 2021 là 148.777 triệu đồng. Năm 2021, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị chiếm 5,2% (chỉ tiêu giao 2,91%); cơ cấu lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội chiếm 46% (chỉ tiêu giao 43,76%).

- Số người lao động ở địa phương làm việc tại các tỉnh, thành phố trở về địa phương do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trong năm 2021 là 32.148 người; qua khảo sát số lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm: 5.682 người, nhu cầu học nghề 126 người. Số doanh nghiệp có ký kết thỏa ước lao động là 260 đơn vị. Nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trong năm 2021 là 14.000 lao động. Số lao động mất việc là 6.430 người.

- Tiền lương bình quân năm 2021: Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: 9.900.000 đồng/người/tháng; Doanh nghiệp có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước: 9.800.000 đồng/người/tháng; Doanh nghiệp dân doanh: 7.200.000 đồng/người/tháng; Doanh nghiệp FDI: 8.100.000 đồng/người/tháng. Tiền lương của người lao động cao nhất năm 2021: Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: 40.000.000 đồng/người/tháng; Doanh nghiệp có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước: 53.400.000 đồng/người/tháng; Doanh nghiệp dân doanh: 42.100.000 đồng/người/tháng; Doanh nghiệp FDI: 91.200.000 đồng/người/tháng. Tiền lương của người lao động thấp nhất năm 2021: Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: 3.100.000 đồng/người/tháng; Doanh nghiệp có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước: 3.430.000 đồng/người/tháng; Doanh nghiệp dân doanh: 3.430.000 đồng/người/tháng; Doanh nghiệp FDI: 3.700.000 đồng/người/tháng.

- Để từng bước khắc phục những khó khăn do đại dịch Covid-19, thông qua các chính sách hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh đã tổ chức và triển khai kịp thời hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định để vượt qua khó khăn, góp phần phục hồi sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động, an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, người lao động và người sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh đang từng bước thực hiện khôi phục sản xuất, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19.

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT: SỐ 68/NQ-CP, SỐ 126/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

1. Công tác triển khai thực hiện

a) Công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện

- Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các văn bản triển khai chỉ đạo, cụ thể:

+ Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 15/7/2021¹, Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 28/12/2021 về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo các Nghị quyết: số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ và các Quyết định: số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021, số 33/2021/QĐ-CP ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Các Quyết định: số 1057/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 và số 2239/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

+ Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh ủy quyền, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành văn bản về tổ chức kiểm tra thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

- Để kịp thời triển khai thực hiện theo lĩnh vực được phân công, các sở, ngành, đơn vị và địa phương đã chủ động tham mưu văn bản triển khai thực hiện; trên cơ sở đó, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Kế hoạch thực hiện; rà soát, thẩm định, lập danh sách và kinh phí hỗ trợ các đối tượng theo quy định.

b) Công tác thông tin, tuyên truyền

¹ Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 15/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức thông tin, tuyên truyền các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 thông qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: phát sóng nhiều đợt trên đài phát thanh, truyền hình, tuyên truyền qua kênh truyền thông lưu động, tin, bài viết, hình ảnh, infographic trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của sở, ngành... cho các đối tượng là đội ngũ công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp và cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan với mục đích đưa được nội dung chính của các chính sách hỗ trợ nhân văn này đến được với toàn xã hội. Thực hiện việc công khai, minh bạch các thủ tục, hồ sơ người lao động cần chuẩn bị và phương thức tiếp nhận hồ sơ của các cơ quan đơn vị có liên quan để hướng dẫn tổ chức, cá nhân chủ động thực hiện nộp hồ sơ kịp thời, nhanh chóng.

b) Công tác kiểm tra, giám sát ở các cấp

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 5222/UBND-KGVX ngày 06/10/2021 về việc phối hợp thực hiện Kế hoạch giám sát chính sách hỗ trợ Covid-19.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã ban hành: Kế hoạch số 796/KH-MTTQ-BTT ngày 30/9/2021 về việc phối hợp giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, UBMTTQVN cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện chức năng giám sát tại các địa phương và đã thực hiện giám sát ngay từ khâu rà soát lập danh sách đến công tác chi trả cho đối tượng.

- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn ban hành Kế hoạch số 395-KH/TĐTN-TG ngày 08/12/2021 về việc giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (tại Công văn số 2657/SLĐTBXH-LĐTLBHXH ngày 25/10/2021).

Nhìn chung, qua theo dõi, kiểm tra và giám sát đã nắm bắt thông tin, tình hình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2020/QĐ-TTg tại các huyện, thị xã, thành phố, nhất là trong công tác chi trả, phản ánh của người dân,... đồng thời hướng dẫn các địa phương trong giải quyết các phát sinh, vướng mắc và đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

2. Kết quả thực hiện

Tính đến nay, đã hỗ trợ và chi cho các đối tượng theo các Nghị quyết: số 68/NQ-CP, số 126/NQ-CP trên địa bàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng với tổng số tiền là: 69.060 triệu đồng, cụ thể:

- *Chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*: đã thực hiện giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 2.581 đơn vị với 90.539 lao động và tổng số tiền là 27.314,835 triệu đồng.

- *Chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất*: đã thực hiện cho 04 đơn vị, với 41 lao động và số tiền tạm dừng đóng là 264,087 triệu đồng.

- *Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động*: đã tiếp nhận và phê duyệt hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho 189 người lao động của Công ty TNHH Điện tử FOSTER (Quảng Ngãi), với kinh phí là: 567 triệu đồng.

- *Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương*: đã hỗ trợ cho 1.079 người, với kinh phí là 4.472,15 triệu đồng.

- *Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc*: đã hỗ trợ cho 4.556 người, với kinh phí là 6.715 triệu đồng.

- *Chính sách hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp*: đã hỗ trợ cho 07 người, với kinh phí là 29,97 triệu đồng.

- *Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị, cách ly y tế*: đã hỗ trợ cho 16.047 người, với kinh phí là 24.165,06 triệu đồng.

- *Chính sách hỗ trợ hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật và người lao động là hướng dẫn viên du lịch*: đã hỗ trợ cho 54 người, với kinh phí là 196,63 triệu đồng.

- *Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh*: đã hỗ trợ cho 1.105 hộ, với kinh phí là 3.324 triệu đồng.

- *Chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất*: Số doanh nghiệp được phê duyệt, thực hiện: 19 lượt doanh nghiệp; Số người lao động được phê duyệt, thực hiện: 589 người với số tiền hỗ trợ: 2.011,704 triệu đồng.

- *Chính sách hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và các đối tượng đặc thù khác*: Tỉnh Quảng Ngãi chưa ban hành chính sách; thay vào đó, tỉnh ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ người dân, lao động tự do giải quyết nhu cầu thiết thực, có tính cấp thiết hơn như: hỗ trợ đưa đón người lao động từ các tỉnh, thành phố trở về địa phương do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hỗ trợ tiền ăn, tiền xét nghiệm...; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch số 2695/KH-SLĐTBXH ngày 27/10/2021 về Hỗ trợ đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động từ các tỉnh, thành phố trở về địa phương do ảnh hưởng

của đại dịch Covid-19, qua đó tạo điều kiện cho người lao động nâng cao kỹ năng nghề, có việc làm, tạo thu nhập bền vững, ổn định đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của địa phương. Kết quả đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 143 lao động; đào tạo nghề Hàn cho 26 lao động và được Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất tuyển dụng vào làm việc; góp phần giải quyết khó khăn trước mắt và lâu dài (*Chi tiết như Phụ lục đính kèm*).

3. Đánh giá chung

a) Kết quả đạt được

- Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm, ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ người dân, người lao động và doanh nghiệp bị tác động bởi đại dịch Covid-19, đặc biệt là chính sách hỗ trợ trực tiếp người lao động và doanh nghiệp theo Nghị quyết số 68/NQ-CP đã được các cấp, các ngành tại địa phương tổ chức triển khai thực hiện khẩn trương, quyết liệt. Qua đó, đã góp phần tích cực, giảm thiểu những tác động tiêu cực đến đời sống, việc làm và thị trường lao động trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ cho đối tượng là người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 như: hỗ trợ đưa cho các đối tượng là người lao động, người đang mang thai ở các địa phương bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 về tỉnh Quảng Ngãi, hỗ trợ tiền ăn, xét nghiệm Covid-19 cho một số đối tượng là người lao động đang trong thời gian cách ly y tế theo quy định.

- Các sở, ban ngành, đơn vị và địa phương đã chủ động, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, qua đó tạo sự đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện; đã tổ chức tốt công tác phổ biến, tuyên truyền chính sách đến với người dân và doanh nghiệp; công tác rà soát, thẩm định, lập danh sách đối tượng đã được thực hiện tốt, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Tổ chức tốt công tác phổ biến, tuyên truyền chính sách đến với người dân và doanh nghiệp; đăng tải và thường xuyên cập nhật kịp thời các văn bản, nội dung liên quan về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng, các chuyên mục tuyên truyền, giải đáp, công khai các quyết định hỗ trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng; thiết lập đường dây nóng để hướng dẫn, giải đáp những khó khăn, vướng mắc của người dân và các địa phương trong quá trình thực hiện.

b) Khó khăn, vướng mắc

- Công tác rà soát các đối tượng gặp khó khăn do số lượng đối tượng tương đối nhiều, có đối tượng được hưởng từ 02 chính sách nên việc rà soát mất nhiều thời gian, dẫn đến một số địa phương lúng túng trong quá trình thực hiện.

- Khó khăn trong việc xác định đối tượng hưởng do quy định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập không đồng nhất về tỷ lệ tự chủ giữa Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản trước đó (Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) dẫn đến khó khăn trong việc xác định đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần thuộc đối tượng giảm đóng BHTN và người lao động được hưởng hỗ trợ từ Quỹ BHTN.

c) Nguyên nhân

- Đội ngũ cán bộ tại các địa phương và sở, ngành vừa phải thực hiện nhiệm vụ chuyên môn vừa phải thực hiện công tác rà soát, thống kê đối tượng dẫn đến tiến độ còn chậm.

- Nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, vẫn còn hiện tượng khai chưa trung thực nên ảnh hưởng đến tiến độ công tác phê duyệt đối tượng hỗ trợ. Một số cơ sở cách ly, cơ sở điều trị y tế công việc chuyên môn nhiều nên còn chậm trong việc trình hồ sơ để phê duyệt hỗ trợ cho các đối tượng là F0, F1.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Công tác tuyên truyền là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt khi thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, thông qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng để người dân biết được các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

2. Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch các thủ tục, hồ sơ người lao động cần chuẩn bị và phương thức tiếp nhận hồ sơ của các cơ quan, đơn vị có liên quan để hướng dẫn tổ chức, cá nhân chủ động thực hiện nộp hồ sơ kịp thời, nhanh chóng.

3. Chỉ đạo các sở, ngành và địa phương kịp thời triển khai thực hiện theo lĩnh vực được phân công, chủ động tham mưu văn bản thực hiện, đảm bảo đúng đối tượng được thụ hưởng.

4. Các cấp ủy đảng, các tổ chức chính trị - xã hội cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nắm bắt tình hình tổ chức thực hiện, cũng như đưa ra những giải pháp phù hợp và có hướng giải quyết kịp thời.

5. Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu dân cư và tăng cường chuyển đổi số trong việc xác định, xét duyệt đối tượng thụ hưởng chính sách; đồng thời nghiên cứu phương thức chi trả qua các tổ chức tín dụng để tối ưu hóa quy trình, thủ tục, đảm bảo giải quyết chính sách nhanh, hiệu quả.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đối với Chính phủ:

Theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ thì cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (theo đó ngân sách

trung ương hỗ trợ 40% theo quy định). Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi đã báo cáo Bộ Tài chính về báo cáo kết quả thực hiện chi phòng, chống dịch; hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 năm 2021 tại Công văn số 1722/UBND-KTTH ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh. Vì vậy, kính đề nghị Trung ương xem xét sớm hỗ trợ cho ngân sách địa phương khoản kinh phí mà ngân sách trung ương phải hỗ trợ theo chính sách.

Kính báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Y tế,
Lao động-Thương binh và Xã hội,
Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXbthm475

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn



ĐẠI HỘI KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP, SỐ 126/NQ-CP
ĐẠI HỘI NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI NGÀY 17/2022 CỦA (UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	TÊN CHỈ MỤC SÁCH	I. SỐ HỀ QUẢN LÝ										II. SỐ ĐÀ THỰC HIỆN CHI TRẢ										III. SỐ CÒN PHẢI THỰC HIỆN CHI TRẢ (nếu có)										GHI CHÚ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
		1. Đối tượng					2. Kinh phí (trước đóng)					1. Đối tượng					2. Kinh phí (trước đóng)					1. Đối tượng					2. Kinh phí (trước đóng)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
		1.1. NSU/D (đơn vị, địa chỉ...)					1.1. NSU/D (đơn vị, địa chỉ...)					1.1. NSU/D (đơn vị, địa chỉ...)					1.1. NSU/D (đơn vị, địa chỉ...)					1.1. NSU/D (đơn vị, địa chỉ...)					1.1. NSU/D (đơn vị, địa chỉ...)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
		1.2. Người được hỗ trợ (tổng số)					1.2. Người được hỗ trợ (tổng số)					1.2. Người được hỗ trợ (tổng số)					1.2. Người được hỗ trợ (tổng số)					1.2. Người được hỗ trợ (tổng số)					1.2. Người được hỗ trợ (tổng số)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
		Tổng số	NID	Tra em	Người là P, P, P, P	Tra em	Tổng số	NID	Tra em	Người là P, P, P, P	Tra em	Tổng số	NID	Tra em	Người là P, P, P, P	Tra em	Tổng số	NID	Tra em	Người là P, P, P, P	Tra em	Tổng số	NID	Tra em	Người là P, P, P, P	Tra em	Tổng số	NID	Tra em	Người là P, P, P, P	Tra em																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
		2.709	114.297	142	1.928	3.336	11.912	3.276	0	69.151.486	45.755.150	23.396.286	0,000	3.719.000	108.260	0	1.928	3.336	11.912	3.276	3.320.630	33.104.096	35.216.514	18.591,7	0	0	3.559	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0